

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023 (bổ sung)

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023 (bổ sung) như sau:

1. Chuyên ngành tuyển sinh

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Mã số: 8310110;

Định hướng chương trình đào tạo: Ứng dụng;

Chỉ tiêu: 80.

2. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết hợp thi tuyển

- Thi tuyển môn Ngoại ngữ cho người dự tuyển chưa đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ ở mục 3.2.

- Xét tuyển: Xét tuyển điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa bậc đại học theo thang điểm 4.

3. Điều kiện dự thi và xét tuyển

3.1. Điều kiện về văn bằng đại học

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên, chính quy hoặc không chính quy; nếu bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành) ngành phù hợp;

b) Đối với những người dự tuyển có văn bằng đại học phù hợp nhưng chưa đủ kiến thức ngành thì phải học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương trước khi xét tuyển;

c) Ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản lý (nếu thuộc nhóm ngành khác, cần có xác nhận công tác liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản lý).

(Danh mục ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức xem Phụ lục 1)

3.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Hồng Đức cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (xem tại Phụ lục 2) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Trường hợp không có một trong các văn bằng chứng chỉ như trên hoặc chứng chỉ quá thời hạn thì phải tham dự kỳ thi tuyển sinh môn Ngoại ngữ như mục 2.

3.3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

4. Chính sách ưu tiên đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào trung bình chung 0.4 điểm (theo thang điểm hệ 4).

5. Điều kiện xét tuyển, trúng tuyển

5.1. Điểm xét tuyển: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa bậc đại học (tính lẻ đến 02 chữ số thập phân) theo thang điểm hệ 4 (cộng thêm điểm ưu tiên nếu có) của ngành phù hợp không phân biệt loại hình đào tạo, phương thức đào tạo.

Bảng điểm quy đổi điểm trung bình toàn khóa theo thang điểm hệ 10 sẽ được quy đổi về thang điểm hệ 4 (Xem phụ lục 3).

5.2. Nguyên tắc xét tuyển: Xét lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp có nhiều người dự tuyển có cùng điểm xét tuyển nhưng vượt chỉ tiêu đã công bố, Nhà trường xét tuyển ưu tiên theo mức từ cao xuống thấp điểm của học phần tốt nghiệp (khóa luận, chuyên đề, đề án, đồ án).

6. Hồ sơ dự thi và xét tuyển

1. Đơn đăng ký dự thi (*theo mẫu*);
2. Bản sao có công chứng văn bằng, bằng điểm tốt nghiệp đại học;
3. Bản sao có công chứng bằng điểm học bổ sung/chuyển đổi (*nếu có*);
4. Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của địa phương;
5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;
6. Bản sao có công chứng chứng chỉ ngoại ngữ, bằng đại học ngoại ngữ (*nếu có*);
7. 4 ảnh 3 x 4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh vào mặt sau ảnh);
8. 2 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận;
9. Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên;
10. Giấy xác nhận đồng ý cử đi học của cơ quan chủ quản (*nếu có*).

7. Lệ phí xét tuyển và học phí

- Lệ phí xét tuyển: 250.000đ/ hồ sơ.
- Lệ phí thi Tiếng Anh: Thu theo nguyên tắc lấy thu bù chi, sẽ thông báo sau cho các thí sinh dự thi.
- Học phí: Theo quy định của Nhà trường.

8. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung 18-24 tháng.

9. Thời gian thi Tiếng Anh: Dự kiến ngày 23 tháng 4 năm 2023

10. Thời gian xét tuyển: Dự kiến ngày 03 tháng 5 năm 2023

11. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2023 đối với người dự tuyển là đối tượng có ngành phù hợp (không phải học bổ sung kiến thức); phát hành và thu Hồ sơ đăng ký dự thi và xét tuyển tại phòng 606, 607 Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

12. Thời gian học bổ sung kiến thức: Thông báo trên website Nhà trường.

Chi tiết xin liên hệ: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức: P.606, P.607 Nhà Điều hành (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 0944.873.363; 0919.114.688.

Website: www.hdu.edu.vn/.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các PHT (để chỉ đạo);
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, các phòng GD; } (để phối hợp)
- Các CQ, DN, trường PT, MN;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.QLĐT SĐH. *HS*



PHỤ LỤC 1

**Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức cho thí sinh dự thi
tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023 (Bổ sung)**
(Kèm theo Thông báo số 29 /TB-ĐHHD ngày 01 tháng 03 năm 2023)

STT	Chuyên ngành thạc sĩ	Ngành Đại học phù hợp	Môn học BSKT	Số TC
1	Quản lý kinh tế	Nhóm ngành 1: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế	Không học bổ sung kiến thức	
		Nhóm ngành 2: Tốt nghiệp đại học các nhóm ngành Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý. Tốt nghiệp đại học các ngành: Quản lý công nghiệp; Quản lý xây dựng; Nông nghiệp (Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp); Khách sạn, nhà hàng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải.	1) Kinh doanh quốc tế 2) Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực 3) Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3 3 3
		Nhóm ngành 03: Tốt nghiệp tốt nghiệp các ngành khác	1) Kinh doanh quốc tế 2) Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực 3) Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu 4) Kinh tế vĩ mô 5) Kinh tế vi mô	3 3 3 3 3

PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông báo số 29 /TB-DHHD ngày 01 tháng 03 năm 2023)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

A

PHỤ LỤC 3

**Bảng tham chiếu quy đổi thang điểm 10 về thang điểm 4 áp dụng trong tuyển sinh và
đào tạo trình độ thạc sĩ**

(Kèm theo Thông báo số 19 /TB-ĐHHD ngày 01/tháng 07 năm 2023)

TT	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4
1	Từ 8,50 đến 10,0	4,00
2	Từ 7,70 đến 8,49	3,50
3	Từ 7,00 đến 7,69	3,00
4	Từ 6,50 đến 6,99	2,50
5	Từ 6,00 đến 6,49	2,40
6	Từ 5,50 đến 5,99	2,20
7	Từ 5,00 đến 5,49	2,00

